

Bản án số: 108/2024/HS-PT  
Ngày 12-08-2024

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Minh Thu

*Các Thẩm phán:* Ông Bùi Duy Thạch

Ông Đặng Minh Hạnh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Đồng Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 80/2024/TLPT-HS ngày 04 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2024/QĐXXPT-HS ngày 28 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2024/HSPT-QĐ ngày 11/7/2024 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 105/TB-TA ngày 29/7/2024 đối với bị cáo Nguyễn Thị H cùng đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2024/HS-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

***- Các bị cáo có kháng cáo:***

1. Nguyễn Thị H, sinh ngày 03 tháng 9 năm 1967 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn B, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị H2 (đều đã chết); bị cáo có chồng là Nguyễn Văn S và có 03 con, con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/7/2023 đến ngày 02/8/2023 chuyển tạm giam, đến ngày 06/10/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; đến ngày 22/3/2024 bị cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Bùi Văn H3, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1972 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T (đã chết) và bà Trần Thị C; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị D và có 01 con sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/7/2023 đến ngày 02/8/2023 chuyển tạm giam, đến ngày 06/10/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; đến ngày 22/3/2024 bị cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Đỗ Thị K, sinh ngày 11 tháng 01 năm 1961 tại Hải Dương; nơi ĐKKHKT: Số A ngõ A đường Đ, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Huy T1 và bà Trần Thị Â (đều đã chết); bị cáo có chồng là Trần Văn N (đã ly hôn) và có 03 con, con lớn sinh năm 1983, con nhỏ sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/7/2023 đến ngày 02/8/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Thị K:* Bà Trần Thị Thùy L, Luật sư Công ty L2 - Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 50 phút ngày 24-7-2023, Tổ công tác Công an huyện V, thành phố Hải Phòng tiến hành kiểm tra tại nhà bị cáo Bùi Văn H3, ở thôn Đ, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng, phát hiện bị cáo H3 đang tổng hợp bảng đề vào 02 tờ giấy chuẩn bị chuyển bảng cho chủ đề. Tổ công tác đã thu giữ 02 tờ giấy là bảng số lô, đề; 01 điện thoại Samsung A8 có lắp sim số 0364068923 đã qua sử dụng và số tiền 1.085.000 đồng mà bị cáo Hiện bán số lô, đề ngày 24-7-2023. Bị cáo Bùi Văn H3 khai nhận đã bán đề và chuyển bảng cho bị cáo Nguyễn Thị H là chủ đề để được hưởng tiền hoa hồng; trong số khách hàng mua số đề của bị cáo H3, bị cáo H3 có nhớ được là bị cáo Đỗ Thị K. Trên cơ sở ghi chép tại 02 tờ bảng đề mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V thu được nêu trên, bị cáo Hiện xác định tổng số tiền mà bị cáo H3 đã bán số lô, số đề trong ngày 24-7-2023 là 11.135.000 đồng. Sáng ngày 25-7-2023 bị cáo Đỗ Thị K đến Công an huyện V để đầu thú và tự nguyện khai báo về hành vi phạm tội của bản thân. Tại Cơ quan Công an bị cáo Đỗ Thị K khai nhận: Vào khoảng 16 giờ ngày 24-7-2023 bị cáo K có nhắn tin cho bị cáo H3 qua tài khoản zalo có tên “Bui Hien” để mua số lô, số đề từ bị cáo Bùi Văn H3 với tổng số tiền 6.600.000 đồng. Bị cáo Đỗ Thị K đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V 6.600.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu

OPPO F3, màu đen có lắp sim số 0839601718. Chiều ngày 25-7-2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của bị cáo Bùi Văn H3 ở thôn Đ, xã T, huyện V và khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị H ở thôn B, xã V, huyện V. Kết quả khám xét không thu giữ được đồ vật tài liệu nào liên quan đến vụ án. Ngày 26-7-2023 bị cáo Nguyễn Thị H đến Công an huyện V đầu thú và tự nguyện khai báo về hành vi làm chủ đề của bản thân. Tại Cơ quan Công an bị cáo H khai nhận hàng ngày sau khi bị cáo Bùi Văn H3 bán số lô, số đề cho khách xong sẽ tổng hợp bảng đề và chuyển cho bị cáo H để được hưởng tiền hoa hồng. Bị cáo Nguyễn Thị H làm chủ đề, không chuyển cho ai khác. Do bị cáo H đã vứt chiếc điện thoại và sim điện thoại đi nên không giao nộp được cho cơ quan Công an. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã tiến hành trưng cầu giám định trích xuất dữ liệu điện tử đối với 02 điện thoại thu được của bị cáo Bùi Văn H3 và bị cáo Đỗ Thị K.

Tại bản Kết luận số 589/KL-KTHS ngày 30-8-2023 của Phòng K2 Công an thành phố H đối với điện thoại Samsung A8 (ký hiệu A) thu giữ của bị cáo Bùi Văn H3 thể hiện: Trong mẫu giám định ký hiệu A: Tình trạng khởi động, truy cập và trích xuất được dữ liệu; Tìm thấy 5948 danh bạ, 160 cuộc gọi, 24 tin nhắn tức thì, 485 cuộc hội thoại Messenger, 47 cuộc hội thoại Native Messages, 238 tin nhắn Zalo, 7291 tập tin hình ảnh được lưu trong máy. Nội dung chi tiết các dữ liệu được lưu trong đĩa CD kèm theo. Không tìm thấy dữ liệu được lưu trong Sim.

Tại bản Kết luận số 588/KL-KTHS ngày 06-9-2023 của Phòng K2 Công an thành phố H đối với điện thoại OPPO F3, màu đen (ký hiệu A) thu giữ của bị cáo Đỗ Thị K thể hiện: Trong mẫu giám định ký hiệu A: Tình trạng khởi động, truy cập và trích xuất được dữ liệu. Tìm thấy 180 danh bạ, 323 cuộc gọi, 02 tin nhắn tức thì, 443 hình ảnh chụp các cuộc hội thoại bằng ứng dụng Zalo, 323 tập tin hình ảnh được lưu trong máy. Nội dung chi tiết các dữ liệu được lưu trong đĩa CD kèm theo. Không tìm thấy dữ liệu được lưu trong Sim.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã kiểm tra các nội dung có trong Kết luận giám định nêu trên tại các đĩa CD đối với điện thoại của bị cáo Bùi Văn H3, kết quả cho thấy: Từ trang số 529 đến trang 1286 của Kết luận thể hiện 7291 hình ảnh là hình ảnh do bị cáo Bùi Văn H3 ghi lại các số lô, đề do khách đánh sau đó chụp lại, trong đó từ hình ảnh số 01 trang 529 đến hình ảnh 3043 trang 867 hình ảnh rất nhỏ không thể nhìn rõ được chữ, số. Trong số các hình ảnh còn lại (từ hình ảnh số 3044 trang 868 đến hình ảnh 7291 trang 1286 của kết luận) và 238 tin nhắn trong Zalo (từ trang 5 đến trang 31 của Kết luận), đã làm rõ được những ngày bị cáo Bùi Văn H3 bán số lô, số đề như sau:

Ngày 21-7-2023 tổng số tiền bị cáo Bùi Văn H3 đã bán số lô cho khách là 6.250.000đ (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), tổng số tiền bán số đề là 3.935.000đ (Ba triệu chín trăm ba nghìn đồng). Tổng số tiền là 10.185.000đ

(Mười triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng), trong đó tổng số tiền Đỗ Thị K mua các số lô, số đề là 6.840.000đ (Sáu triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng), tổng số tiền Bùi Văn C1 mua số lô, số đề là 540.000đ (Năm trăm bốn mươi nghìn đồng), còn lại số tiền 2.805.000đ (Hai triệu tám trăm lẻ năm nghìn đồng) chưa xác định được là của ai mua số lô, số đề. Các số lô, số đề khách mua trong ngày có các số sau trúng thưởng: Đề đầu 4 với giá 5.000đ (Năm nghìn đồng) trúng thưởng số đề 44 được 425.000đ; đề đuôi 4 với giá 5.000đ (năm nghìn đồng) trúng thưởng số đề 44 được 425.000đ (Bốn trăm hai mươi năm nghìn đồng), lô 95 với giá 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) trúng thưởng ở giải tư được 340.000đ (Ba trăm bốn mươi nghìn đồng), lô 10 với giá 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) trúng thưởng ở giải bảy được 1.020.000đ (Một triệu không trăm hai mươi nghìn đồng), lô 67 với giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) trúng thưởng ở giải bảy được 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng), đề tổng 8 với giá 30.000đ (Ba mươi nghìn đồng) trúng thưởng được 2.550.000đ (Hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng), đề chập chẵn với giá 10.000đ (Mười nghìn đồng) trúng thưởng được 850.000đ (Tám trăm năm mươi nghìn đồng), đề 44 với giá 25.000đ (Hai mươi năm nghìn đồng) trúng thưởng được 2.125.000đ (Hai triệu một trăm hai mươi năm nghìn đồng). Tổng số tiền khách trúng thưởng là 9.435.000đ (trong đó K trúng thưởng được 6.970.000 đồng, C1 không trúng thưởng, còn lại số tiền trúng thưởng của khách chơi khác không xác định được). Tổng số tiền đánh bạc và được bạc trong ngày 21-7-2023 là 19.620.000đ (Mười chín triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng). Bị cáo H3 được hưởng lợi là 706.000đ (Bảy trăm linh sáu nghìn đồng). Sau khi trừ đi số tiền đã chi trả cho khách trúng thưởng và tiền trả hoa hồng cho bị cáo H3, bị cáo H được hưởng lợi 44.000đ (Bốn mươi bốn nghìn đồng).

Ngày 22-7-2023 tổng số tiền bị cáo Bùi Văn H3 đã bán số lô cho khách là 4.700.000đ (Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng), tổng số tiền bán số đề là 1.900.000đ (Một triệu chín trăm nghìn đồng). Tổng số tiền là 6.600.000đ (Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng), trong đó số tiền bị cáo Đỗ Thị K mua số lô, số đề là 6.100.000đ (Sáu triệu một trăm nghìn đồng), số tiền bị cáo Bùi Văn S1 mua số lô, số đề là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chưa xác định được là của ai mua số lô, số đề. Các số lô, số đề khách mua trong ngày có các số sau trúng thưởng: lô 07 với giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) trúng thưởng ở giải bảy được 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng), lô 67 với giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) trúng thưởng ở giải tư được 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng). Tổng số tiền khách trúng thưởng là 3.400.000đ (trong đó K trúng thưởng 3.400.000đ, còn S1 không trúng thưởng). Tổng số tiền đánh bạc và được bạc trong ngày 22-7-2023 là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Bị cáo H3 được hưởng số tiền 425.000đ (Bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Sau khi trừ đi số tiền đã chi trả cho khách trúng thưởng và tiền trả hoa hồng cho bị cáo H3, bị cáo Nguyễn Thị H được hưởng lợi 2.775.000đ (Hai triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Ngày 23-7-2023 tổng số tiền bị cáo Bùi Văn H3 đã bán số lô cho khách là 3.980.000đ (Ba triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng), tổng số tiền bán số đề là 3.425.000đ (Ba triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Tổng số tiền là 7.405.000đ (Bảy triệu bốn trăm lẻ năm nghìn đồng), trong đó số tiền bị cáo Đỗ Thị K mua số lô, số đề là 4.560.000đ (Bốn triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng), số tiền Bùi Văn C1 mua số lô, số đề là 310.000đ (Ba trăm mười nghìn đồng), số tiền Bùi Văn S1 mua số lô, số đề là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), số tiền Trần Văn C2 mua số lô, số đề là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), số tiền 2.135.000đ (Hai triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng) chưa xác định được là của ai mua số lô, số đề. Các số lô, số đề khách mua trong ngày có các số sau trúng thưởng: Đề 62 với giá 25.000đ (Hai mươi lăm nghìn đồng) trúng thưởng được 2.125.000đ (Hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng), đề đuôi 2 với giá 25.000đ (Hai năm nghìn đồng) trúng thưởng số đề 62 được 2.125.000đ (Hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng), đề đầu 6 với giá 10.000đ (Mười nghìn đồng) trúng thưởng số đề 62 được 850.000đ (Tám trăm năm mươi nghìn đồng), đề đuôi 2 với giá 5.000đ (Năm nghìn đồng) trúng thưởng số đề 62 được 425.000đ (Bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng), lô 42 với giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) trúng thưởng ở giải nhất, giải năm và giải bảy được 5.100.000đ (Năm triệu một trăm nghìn đồng), Tổng số tiền khách trúng thưởng là 10.625.000đ (trong đó bị cáo K trúng thưởng 7.220.000đ; C1, S1 và C2 không trúng thưởng, còn lại là của khách mua khác trúng thưởng). Tổng số tiền đánh bạc và được bạc trong ngày 23-7-2023 là 18.030.000 đồng (Mười tám triệu không trăm ba mươi nghìn đồng). Bị cáo H3 được hưởng lợi là 541.500 đồng. Sau khi trừ đi số tiền chi trả cho khách trúng thưởng, tiền trả hoa hồng cho bị cáo H3, thì bị cáo H bị thua 3.219.500 đồng.

Ngày 24-7-2023 tổng số tiền bị cáo Bùi Văn H3 đã bán số lô cho khách là 5.850.000 đồng (Năm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng), tổng số tiền bán số đề là 5.285.000 đồng (Năm triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Tổng số tiền là 11.135.000 đồng (Mười một triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Trong đó số tiền mà bị cáo Bùi Văn H3 đã bán cho khách (chưa xác định được là những ai) và thu được là 1.085.000 đồng (Một triệu không trăm tám mươi lăm nghìn đồng), số tiền này bị cáo H3 đã giao nộp cho Cơ quan điều tra. Bị cáo Đỗ Thị K cũng tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 6.600.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) là tiền bị cáo K mua số lô, số đề nhưng chưa trả cho bị cáo Bùi Văn H3. Bùi Văn S1 tự nguyện giao nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) là tiền S1 mua số lô, số đề nhưng chưa trả cho bị cáo Bùi Văn H3. Ngoài ra Bùi Văn H4 mua các số lô, số đề với tổng số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) nhưng chưa trả cho bị cáo Bùi Văn H3, hiện chưa triệu tập được Bùi Văn H4. Trần Văn B mua các số lô, số đề với tổng số tiền 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng do trước đó bị cáo H3 còn nợ B số tiền 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) nên khi

mua số lô, số đề B đã trừ nợ vào số tiền này. Do bị bắt nên H3 chưa chuyển tiền và chốt bảng với H.

Tổng số tiền bị cáo Bùi Văn H3 bán đề vào các ngày 21, 22, 23 và 24-7-2023 là 41.925.000 đồng. Bị cáo H3 được hưởng lợi vào các ngày 21, 22, 23-7-2023 là 1.672.000 đồng, trong đó bị cáo H đã trả cho bị cáo H3 là 1.131.000 đồng (ngày 23, 24-7-2023 bị cáo H chưa thanh toán cho Hiện).

Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra nội dung có trong đĩa CD kèm Kết luận 588/KL-KTHS ngày 06-9-2023 của Phòng K2 Công an thành phố H, kết luận đối với điện thoại OPPO F3 thu giữ của bị cáo Đỗ Thị K, thể hiện: Tại mục hình ảnh trong tập tin dữ liệu có 323 hình ảnh từ số 01 tại trang 24 của Kết luận đến hình ảnh 323 tại trang 57 của kết luận. Tại ứng dụng của Z có 443 hình ảnh chụp thiết bị điện thoại, từ hình ảnh 01 trang 4 đến hình ảnh 443 của trang 223 Kết luận giám định và xác định: Từ khoảng tháng 01-2022 đến ngày 24-7-2023 bị cáo Đỗ Thị K nhiều lần nhắn tin zalo để mua số lô, số đề của nhiều người, trong đó xác định được bị cáo Đỗ Thị K có mua số lô, đề của Bùi Văn H3 và mua số lô, đề của bị cáo Phạm Văn H5, cụ thể như sau:

Ngày 21-7-2023 bị cáo Đỗ Thị K mua số lô, số đề của bị cáo Bùi Văn H3 với tổng số tiền 6.840.000 đồng (Sáu triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng). Các số lô, số đề bị cáo K mua trúng thưởng với tổng số tiền 6.970.000 đồng (Sáu triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng). Số tiền này bị cáo K và bị cáo H3 đã thanh toán với nhau. Tổng số tiền đánh bạc và được bạc trong ngày 21-7-2023 là 13.810.000 đồng (Mười ba triệu tám trăm mười nghìn đồng).

Ngày 22-7-2023 bị cáo Đỗ Thị K mua số lô, số đề của bị cáo Bùi Văn H3 với tổng số tiền 6.100.000 đồng (Sáu triệu một trăm nghìn đồng). Các số lô K mua trúng thưởng gồm: lô 07 với giá 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) trúng thưởng ở giải bảy được 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm nghìn đồng), lô 67 với giá 500.000 (Năm trăm nghìn đồng) đồng trúng thưởng ở giải tư được 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm nghìn đồng), tổng số tiền trúng thưởng là 3.400.000 đồng (Ba triệu bốn trăm nghìn đồng). Số tiền này bị cáo K và bị cáo H3 đã thanh toán với nhau. Tổng số tiền đánh bạc và được bạc trong ngày 22-7-2023 là 9.500.000 đồng (Chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 23-7-2023 bị cáo Đỗ Thị K mua số lô, số đề của bị cáo Bùi Văn H3 với tổng số tiền 4.560.000 đồng (Bốn triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng). Các số lô, số đề Kiệm mua trúng thưởng với tổng số tiền 7.220.000 đồng (Bảy triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng). Số tiền này K và H3 đã thanh toán với nhau. Tổng số tiền đánh bạc và được bạc trong ngày 23-7-2023 là 11.780.000 đồng (Mười một triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

Ngày 24-7-2023 bị cáo Đỗ Thị K mua số lô, số đề của bị cáo Bùi Văn H3 với tổng số tiền 6.600.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng). Số tiền này bị cáo K đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Trong 443 hình ảnh chụp màn hình lưu trong Zalo có trong Kết luận giám định số 588/KL-KTHS ngày 06-9-2023 của Phòng K2 Công an thành phố H, tại hình ảnh 420 đến 439 thể hiện thời gian từ khoảng tháng 01-2022 đến khoảng tháng 03-2022 bị cáo Đỗ Thị K nhiều lần nhắn tin zalo đề mua số lô, số đề của bị cáo Phạm Văn H5, cụ thể như sau:

Ngày 22-02-2022 bị cáo Đỗ Thị K nhắn tin mua số lô, số đề của bị cáo Phạm Văn H5 với tổng số tiền là 7.100.000 đồng (Bảy triệu một trăm nghìn đồng). Các số lô, số đề bị cáo K mua trong ngày có số lô 93 với giá tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) trúng thưởng ở giải 4 và giải 6 được số tiền 6.800.000 đồng (Sáu triệu tám trăm nghìn đồng). Tổng số tiền đánh bạc và được bạc trong ngày 22-02-2022 là 13.900.000 đồng (Mười ba triệu chín trăm nghìn đồng). Số tiền này K và H5 đã thanh toán cho nhau.

Ngày 23-02-2022 bị cáo Đỗ Thị K nhắn tin mua số lô, số đề của bị cáo Phạm Văn H5 với tổng số tiền là 7.600.000 đồng (Bảy triệu sáu trăm nghìn đồng). Các số lô, số đề Kiệm mua trong ngày không có số nào trúng thưởng, số tiền này K và H5 đã thanh toán cho nhau.

Ngày 25-02-2022 bị cáo Đỗ Thị K nhắn tin mua số lô, số đề của bị cáo Phạm Văn H5 với tổng số tiền là 6.100.000 đồng (Sáu triệu một trăm nghìn đồng). Các số lô, số đề Kiệm mua trong ngày có số lô 68 với giá tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) trúng thưởng ở giải nhất được số tiền 3.400.000 đồng (Ba triệu bốn trăm nghìn đồng), số đề 01 với giá 30.000 đồng (Ba mươi nghìn đồng) trúng thưởng được số tiền 2.550.000 đồng (Hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng), tổng số tiền trúng thưởng 5.950.000 đồng (Năm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng số tiền đánh bạc và được bạc trong ngày 25-02-2022 là 12.050.000 đồng (Mười hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền này K và H5 đã thanh toán cho nhau.

Ngày 26-02-2022 bị cáo Đỗ Thị K nhắn tin mua số lô, số đề của bị cáo Phạm Văn H5 với tổng số tiền là 7.200.000 đồng (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng). Các số lô, số đề bị cáo K mua trong ngày có số lô 64 với giá tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) trúng thưởng ở giải ba được số tiền 6.800.000 đồng (Sáu triệu tám trăm nghìn đồng), số đề 31 với giá 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng) trúng thưởng được 4.250.000 đồng (Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), xiên đôi 17-47 với giá 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) trúng thưởng ở giải ba và giải năm được số tiền 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm nghìn đồng), tổng số tiền trúng thưởng là 13.850.000 đồng (Mười ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng số tiền đánh

bạc và được bạc trong ngày 26-02-2022 là 21.050.000 đồng (Hai mươi một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền này K và H5 đã thanh toán cho nhau.

Ngày 27-02-2022 bị cáo Đỗ Thị K nhắn tin mua số lô, số đề của bị cáo Phạm Văn H5 với tổng số tiền là 10.300.000 đồng (Mười triệu ba trăm nghìn đồng). Các số lô, số đề Kiệm mua trong ngày không có số nào trúng thưởng, số tiền này bị cáo K và bị cáo H5 đã thanh toán cho nhau.

Ngày 28-02-2022 bị cáo Đỗ Thị K nhắn tin mua số lô, số đề của bị cáo Phạm Văn H5 với tổng số tiền là 6.050.000 đồng (Sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Các số lô, số đề bị cáo K mua trong ngày có số lô 71 với giá tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) trúng thưởng ở giải sáu được số tiền 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm nghìn đồng). Tổng số tiền đánh bạc và được bạc trong ngày 28-02-2022 là 7.750.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền này bị cáo K và bị cáo H5 đã thanh toán cho nhau.

Ngoài làm rõ được bị cáo Đỗ Thị K mua số lô, đề của bị cáo Bùi Văn H3 và bị cáo Phạm Văn H5, trong Kết luận giám định điện thoại của bị cáo Đỗ Thị K còn thể hiện bị cáo K có mua số lô, đề của Trần Thị H6, sinh năm 1983, ở thôn D, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng. Bị cáo Đỗ Thị K khai nhận có gửi số lô, đề cho Trần Thị H6, nhưng chỉ đề H6 tham khảo chứ chưa chuyển tiền để đánh, H6 không thừa nhận đã bán số lô, đề cho K. Cơ quan điều tra đã thu giữ điện thoại của Trần Thị H6 để giám định trích xuất dữ liệu điện tử. Tại Kết luận giám định số 817/KL- KTHS ngày 16-01-2024 tìm thấy 376 cuộc gọi, 3508 danh bạ, 54 tin nhắn tức thì, 49 cuộc hội thoại Native Messages, 20 tin nhắn Recents, 17 cuộc hội thoại Zalo được lưu trong máy. Nội dung chi tiết các dữ liệu được lưu trong đĩa CD kèm theo. Ngày 22-01-2024, Cơ quan điều tra đã tiến hành mở đĩa CD, xác định không có nội dung nào liên quan đến việc đánh lô, đề.

Quá trình điều tra, bị cáo Bùi Văn H3 khai nhận: Hiện nhận bán lô, đề thuê cho bị cáo Nguyễn Thị Hiền t tháng 10 năm 2022 đến ngày 24-7-2023 bị bắt. Khi bán số, lô, đề thuê cho bị cáo H6 thì được bị cáo H6 trả tiền hoa hồng là 5% trên tổng số lô bán được; 10% trên tổng số tiền bán đề và xiên; 20% trên tổng số tiền bán ba càng. Trong thời gian nêu trên, bị cáo H3 có bán số lô, đề cho nhiều người, bị cáo H3 chỉ nhớ trong đó có bị cáo Đỗ Thị K có số điện thoại là 0932324816, Zalo của Đỗ Thị K được đặt tên là “Chi Vùg” và một số khách mua lô, đề khác mà cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ, còn lại bị cáo H3 không nhớ được khách mua, cũng như thời gian bán số lô, đề còn lại của những người khác. Hiện thường ghi số lô, đề qua Zalo, hoặc khách trực tiếp đến mua, sau đó đến khoảng 17 giờ hàng ngày thì Hiền tổng hợp lại các số lô, đề đã bán bằng cách ghi lại các số lô, đề vào 01 tờ giấy rồi chụp lại và gửi qua Zalo cho Nguyễn Thị H. Hiền dùng số điện thoại 0364068923 đăng ký Zalo “Bui Hien” và gửi đến Zalo của Nguyễn Thị H có tên là “Hiền N1”. Sau khi gửi xong thì bị cáo H3 xóa hết các giao dịch với khách hàng và bị cáo

Nguyễn Thị H. Về tiền thì cứ hai ngày bị cáo Nguyễn Thị H thanh toán cho bị cáo Hiền 01 lần, nếu khách trúng thì Hiền ứng trước tiền ra để trả cho khách.

Bị cáo Nguyễn Thị H khai nhận: Từ khoảng đầu năm 2020, bị cáo Nguyễn Thị H làm chủ đề và có nhờ bị cáo Bùi Văn H3 bán số lô, số đề cho bị cáo H để hưởng tiền hoa hồng. Bị cáo H không nhớ cụ thể thời gian và số tiền cũng như số lô, đề mà bị cáo Bùi Văn H3 đã chuyển cho bị cáo H. Bị cáo H dùng Z “Hien Nguyen” để liên lạc với Z “Bùi Văn H3” trong quá trình chuyển bảng lô, đề, bị cáo H liên lạc với số điện thoại 0364068923 của bị cáo Bùi Văn H3. Tổng số tiền bị cáo Bùi Văn H3 bán số lô, số đề sau đó chuyển cho bị cáo Nguyễn Thị H vào ngày 21 và 22-7-2023 là 16.785.000 đồng, còn ngày 23 và 24-7-2023 bị cáo H3 chưa kịp chuyển tiền và bảng đề cho bị cáo Hiền t1 bị Công an phát hiện. Tổng số tiền mà khách trúng thưởng vào ngày 21 và 22-7-2023 là 12.835.000 đồng, bị cáo H đã thanh toán cho bị cáo H3. Tiền hoa hồng bán lô, đề 02 ngày 21 và 22-7-2023 là 1.131.000 đồng, bị cáo H đã thanh toán cho bị cáo H3. Chỉ có ngày 23-7-2023 là bị cáo H3 đã chuyển bảng đề cho bị cáo H nhưng chưa thanh toán với bị cáo Hiền tiền khách trúng thưởng và chưa trả hoa hồng cho bị cáo H3.

Bị cáo Đỗ Thị K khai nhận: Từ tháng 02-2022 đến tháng 7-2023, bị cáo Đỗ Thị K có mua số lô, đề của bị cáo Bùi Văn H3 và bị cáo Phạm Văn H5 như nội dung Cơ quan điều tra đã chứng minh được. Khi mua lô đề của bị cáo H3 và bị cáo H5 thì bị cáo K nhắn tin qua Zalo “Bui Hien” và zalo của H5 là “Phạm H5”. Khi nhận được tin nhắn, bị cáo H3 đồng ý bán thì nhắn lại “Ok”, còn bị cáo H5 đồng ý bán thì sẽ thả tim vào tin nhắn của bị cáo K, như vậy là giao dịch thành công. Khi mua lô đề của bị cáo H3 thì bị cáo K trả tiền trực tiếp, còn của bị cáo H5 thì có lúc trực tiếp, lúc thì chuyển khoản tiền vào tài khoản Hà Thị H7 (là vợ của H5) số tài khoản 1018190996 tại ngân hàng V1. Ngoài ra bị cáo K còn mua số lô, đề của nhiều người khác nhưng bị cáo K không nhớ họ là ai, ở đâu, nhiều khi bị cáo K ghi ra các số lô, đề để dự tính đánh nhưng sau đó không đánh.

Bị cáo Phạm Văn H5 khai nhận: Khoảng tháng 01 năm 2022, bị cáo Phạm Văn H5 có quen với ông S1 (điều tra xác định là Vũ Văn S2, sinh năm 1967 ở thôn H, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng, S2 đã chết vào ngày 08-9-2023) nên có nhận bán lô, đề thuê cho S2 để được hưởng phần trăm (8% trên tổng số tiền bán đề và 5% trên tổng số tiền bán lô), bị cáo H5 bán đến tháng 5-2022 thì nghỉ không bán nữa. Trong thời gian bán đề thuê cho S2, do quen biết nhau nên khi S2 trả tiền hoa hồng cho bị cáo H5 thì bị cáo H5 không lấy.

Vào ngày 22, 23, 25, 26, 27, 28-02-2022 bị cáo Phạm Văn H5 có bán số lô, đề cho bị cáo Đỗ Thị K (vì thời gian này bị cáo H5 làm ở công trình nhà bị cáo K). Bị cáo H5 có sử dụng Zalo “Phạm Hoàn”, H5 sử dụng sim rác để đăng ký Zalo, còn số điện thoại H5 sử dụng là 0989212839. H5 thừa nhận các tin nhắn zalo giữa Đỗ Thị K và zalo “Phạm Hoàn” trong Kết luận giám định số 588/KL-KTHS ngày 06-9-

2023 của Phòng K2 Công an thành phố H là của bị cáo H5 nhắn với bị cáo Đỗ Thị K. Khi trả tiền đánh bạc thì K lúc thì trả tiền trực tiếp, lúc thì chuyển khoản tiền vào tài khoản Hà Thị H7 (vợ của H5). Toàn bộ số tiền bị cáo K đánh đề cho bị cáo H5 và số tiền K được đề bị cáo Phạm Văn H5 là người chuyển tiền đánh bạc của bị cáo K cho Vũ Văn S2, và số tiền bị cáo K được đề bị cáo Phạm Văn H5 cũng lấy từ Vũ Văn S2 trả cho bị cáo K. Bị cáo K và Vũ Văn S2 không hề biết nhau.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, đã tiến hành ghi lời khai của Bùi Văn C1, Bùi Văn S1, Đặng Duy Đ, Đặng Văn Q, Trần Văn B, Trần Văn C2, Trần Văn H8, những người này đều khai nhận có mua số lô, đề của bị cáo Bùi Văn H3 như nội dung nêu trên.

Qua hình ảnh Z trong kết luận giám định điện thoại của bị cáo H3, cơ quan điều tra còn xác minh được những người khác mua số lô, đề của bị cáo Bùi Văn H3 như Đào Quang T3, Phạm Văn H9, Vũ Lộc T4, Đặng Duy Đ, Đặng Văn Q, Trần Văn H8, Vũ Văn T5, Vũ Văn V, Phạm Văn D1, Bùi Văn H10, Hà Xuân T6, Bùi Thị H11. Cơ quan điều tra đã ghi lời khai và xác minh những người này. Tuy nhiên, Đào Quang T3, Phạm Văn H9, Vũ Thành L1 khai nhận, có gửi tin nhắn mua số lô, đề của bị cáo H3, nhưng không thấy bị cáo H3 trả lời nên không mua nữa, riêng T4 gửi tin nhắn cho Hiện sau khi Hiện đã bị Công an phát hiện thu giữ điện thoại vào ngày 24-7-2023 nên bị cáo H3 không biết được, Bùi Thị H11 khai không mua số lô, đề nào của Bùi Văn H3. Hiện khai không bán lô, đề cho những người này.

Đối với Vũ Văn T5, Vũ Văn V, Phạm Văn D1, Bùi Văn H10, Hà Xuân T6 xác minh không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu, làm gì nên không ghi được lời khai.

Đối với Đặng Duy Đ, Đặng Văn Q, Trần Văn H8 khai nhận có mua số lô, đề của bị cáo H3 vào những ngày trước đó, nhưng xác định số tiền mua lô, đề đều dưới 5 triệu đồng và không trúng thưởng.

Ngoài những người đã được xác minh nêu trên, còn có những người khác mua số lô, đề của bị cáo Bùi Văn H3 nhưng không xác định được chủ tài khoản Z là ai mà chỉ có ID. Cơ quan điều tra Công an huyện V đã có văn bản gửi Công ty cổ phần V2 đề nghị làm rõ chủ tài khoản Zalo khác (có số ID nhưng không xác định được số điện thoại, tên chủ tài khoản Zalo) mà bị cáo Bùi Văn H3, bị cáo Đỗ Thị K đã nhắn tin mua bán, lô đề nhưng Công ty V2 trả lời không thể xác định được.

Theo Kết luận giám định điện thoại của bị cáo Đỗ Thị K, ngoài nội dung nêu trên bị cáo K1 còn đánh số lô, đề với nhiều người khác, trong đó có chuyển tiền qua tài khoản của Đỗ Thị K tại ngân hàng A đến các số tài khoản khác. Cơ quan điều tra đã xác minh chủ các số tài khoản mà họ chuyển tiền, nhưng không xác định được họ có liên quan đánh lô, đề với bị cáo Đỗ Thị K.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2024/HS-ST ngày 26/4/2024 Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng đã quyết định: Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo Nguyễn Thị H và Đỗ Thị K; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 12 (mười hai) tháng tù về tội “Đánh bạc”.
- Xử phạt bị cáo Bùi Văn H3 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”.
- Xử phạt bị cáo Đỗ Thị K 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị H, Bùi Thị H12 và Đỗ Thị K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được cải tạo ngoài xã hội và được xử phạt tiền là hình phạt chính. Các bị cáo cam đoan có khả năng tài chính để chấp hành hình phạt chính là phạt tiền. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, 03 bị cáo cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới: Biên lai nộp tiền phạt là hình phạt bổ sung, tiền thu lời bất chính, tiền án phí theo bản án sơ thẩm và đã tạm nộp tiền để chứng minh khả năng tài chính nếu các bị cáo được xử phạt tiền; cụ thể: bị cáo H12 nộp 20.000.000 đồng, bị cáo H và bị cáo K mỗi bị cáo nộp 25.000.000 đồng. Các bị cáo đều có đơn trình bày có xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh gia đình, các bị cáo là lao động chính; ngoài lần vi phạm này các bị cáo đều chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, có nơi cư trú ổn định, các bị cáo đều đã nhiều tuổi nên mong muốn được cải tạo ngoài xã hội và được xử phạt tiền là hình phạt chính. Bị cáo K cung cấp tài liệu thể hiện gia đình có công với cách mạng.

Tại phiên tòa, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo; thành khẩn khai báo về hành vi đã thực hiện như tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và trình bày hoàn cảnh gia đình neo người, bản thân các bị cáo nhiều tuổi, có nơi cư trú rõ ràng, từ trước cho đến lần vi phạm này đều chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật... và xin được xử phạt tiền để có điều kiện cải tạo ngoài xã hội. Các bị cáo H, H12, K đều trình bày có khả năng tài chính để nộp tiền phạt và đã tạm nộp tiền vào Cơ quan thi hành án để chứng minh khả năng tài chính khi thi hành án cũng như đã nộp hết các nghĩa vụ theo bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên trình bày ý kiến về việc giải quyết kháng cáo: Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo. Các bị cáo phạm tội vì mục đích vụ lợi. Tuy nhiên, tại giai đoạn phúc thẩm các bị cáo cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới: Biên lai nộp tiền phạt là hình phạt bổ sung, tiền thu lời bất chính, tiền án phí theo bản án sơ thẩm và đã tạm nộp tiền để chứng minh khả năng tài chính nếu các bị cáo được xử phạt tiền; cụ thể: bị cáo H12 nộp 20.000.000 đồng, bị cáo H và bị cáo K mỗi bị cáo nộp 25.000.000 đồng. Các bị cáo đều có đơn trình bày có xác

nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh gia đình neo người, ngoài lần vi phạm này các bị cáo đều chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, có nơi cư trú ổn định, các bị cáo đều đã nhiều tuổi nên mong muốn được cải tạo ngoài xã hội và được xử phạt tiền là hình phạt chính. Xét hoàn cảnh gia đình của bị cáo, nhân thân bị cáo cũng như điều kiện, hoàn cảnh phạm tội, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc các bị cáo cải tạo ngoài xã hội không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; căn cứ bản án hình sự sơ thẩm, chuyển sang hình phạt nhẹ hơn cho các bị cáo H, H12 và K là hình phạt tiền theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Hình sự. Không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Do bản án sơ thẩm bị sửa nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Thị K phát biểu quan điểm bào chữa: Đồng ý với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với tội danh, điều luật áp dụng và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Đỗ Thị K. Cũng như vai trò của bị cáo K trong vụ án là vai trò thứ yếu, bị cáo chỉ là người trực tiếp đánh đề, đánh lô nên vai trò ngang với bị cáo H12 và thấp hơn bị cáo H. Tuy nhiên, ngoài tình tiết giảm nhẹ bị cáo đã được áp dụng tại bản án sơ thẩm là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và “đầu thú” quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo đã cung cấp được đơn trình bày có xác nhận của chính quyền địa phương về việc bị cáo là lao động chính trong gia đình; cho đến trước lần vi phạm pháp luật này bị cáo và gia đình chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Bị cáo có bố mẹ đẻ là người có công với cách mạng, được tặng thưởng “Bảng vàng danh dự” vì có 03 người con tòng quân cứu nước. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và mong muốn được cải tạo ngoài xã hội, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được chuyển sang hình phạt tiền và có đủ khả năng tài chính để nộp tiền phạt. Bị cáo đã nộp đủ nghĩa vụ tài chính theo bản án sơ thẩm và tạm nộp một khoản tiền 25.000.000 đồng vào cơ quan Thi hành án để đảm bảo cho việc thi hành án. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt, xử phạt bị cáo Đỗ Thị K hình phạt tiền theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Hình sự như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị H, Bùi Văn H3 và Đỗ Thị K đã đúng thủ tục, trong thời hạn luật định, đúng với quy định tại các

Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên đơn kháng cáo của các bị cáo là hợp pháp, được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi đã thực hiện đúng như lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung của bản án sơ thẩm. Trong khoảng thời gian từ khoảng tháng 10/2022 đến ngày 24-7-2023, bị cáo Nguyễn Thị H đã có hành vi thuê bị cáo Bùi Văn H3 bán số lô, đề để kiểm lời và bị cáo H trả phần trăm hoa hồng cho bị cáo H3. Bị cáo Bùi Văn H3 với vai trò là thư ký đề, đã ghi số lô, đề, thu tiền sau đó chuyển cho bị cáo Nguyễn Thị H, trong đó vào các ngày 21-7-2023 số tiền đánh bạc và được bạc là 19.620.000 đồng; ngày 22-7-2023 số tiền đánh bạc và được bạc là 10.000.000 đồng; ngày 23-7-2023 số tiền đánh bạc và được bạc là 18.030.000 đồng và ngày 24-7-2023 số tiền đánh bạc là 11.135.000 đồng. Từ ngày 25-01-2022 đến ngày 24-7-2023, bị cáo Đỗ Thị K đã có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức mua số lô, đề của bị cáo Phạm Văn H5 và bị cáo Bùi Văn H3. Trong đó bị cáo Đỗ Thị K đã đánh bạc với bị cáo Phạm Văn H5 vào ngày 22-02-2022 số tiền đánh bạc là 13.900.000 đồng; ngày 23-02-2022 số tiền đánh bạc 7.600.000 đồng; ngày 25-02-2022 số tiền đánh bạc là 12.050.000 đồng; ngày 26-02-2022 số tiền đánh bạc là 21.050.000 đồng; ngày 27-02-2022 số tiền đánh bạc là 10.300.000 đồng và ngày 28-02-2022 số tiền đánh bạc là 7.750.000 đồng. Bị cáo Đỗ Thị K đã đánh bạc với bị cáo Bùi Văn H3 vào ngày 21-01-2023 số tiền đánh bạc là 6.840.000 đồng; ngày 22-7-2023 số tiền đánh bạc là 6.100.000 đồng; ngày 23-7-2023 số tiền đánh bạc là 11.780.000 đồng và ngày 24-7-2023 số tiền đánh bạc là 6.600.000 đồng. Từ ngày 25-01-2022 đến ngày 01-3-2022, bị cáo Phạm Văn H5 ghi số lô, đề thuê cho Vũ Văn S2, sinh năm 1967, ở thôn H, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng (Sỹ đã chết vào ngày 08-9-2023) mục đích nhằm được hưởng lợi, bị cáo Phạm Văn H5 đã có hành vi bán số lô, đề cho bị cáo Đỗ Thị K vào các ngày 22-02-2022 số tiền đánh bạc là 13.900.000 đồng; ngày 23-02-2022 số tiền đánh bạc 7.600.000 đồng; ngày 25-02-2022 số tiền đánh bạc là 12.050.000 đồng; ngày 26-02-2022 số tiền đánh bạc là 21.050.000 đồng; ngày 27-02-2022 số tiền đánh bạc là 10.300.000 đồng và ngày 23-02-2022 số tiền đánh bạc là 7.750.000 đồng. Trong đó có số tiền đánh bạc vào ngày 26-02-2022 là 21.050.000 đồng (trên 20.000.000 đồng). Nên hành vi của bị cáo Phạm Văn H5 đã phạm vào tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Thị H, Bùi Văn H3, Đỗ Thị K đã phạm vào tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về vai trò của các bị cáo trong đồng phạm: Bị cáo Phạm Văn H5 phạm tội Tổ chức đánh, các bị cáo Nguyễn Thị H, Bùi Văn H3, Đỗ Thị K đồng phạm tội Đánh bạc, trong đó bị cáo Nguyễn Thị H là chủ đề, bị cáo Bùi Văn H3 là thư ký đề, đây là hành vi Tổ chức đánh bạc, nhưng do số tiền đánh bạc của từng lần không có lần nào trên 20.000.000 đồng nên bị cáo H, bị cáo H3 chỉ bị xem xét xử lý về hành vi

đánh bạc, bị cáo Đỗ Thị K là người đánh lô đề, tuy nhiên ngoài những lần đánh bạc với Bùi Văn H3 và Nguyễn Thị H thì bị cáo Đỗ Thị K còn đánh bạc với Phạm Văn H5 nên đánh giá bị cáo Nguyễn Thị H có vai trò cao nhất, bị cáo Bùi Văn H3, Đỗ Thị K có vị trí, vai trò ngang nhau.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Thị H, Bùi Văn H3, Đỗ Thị K thực hiện hành vi đánh bạc nhiều lần và trong đó có nhiều lần số tiền đánh bạc trên 5.000.000 đồng nên các bị cáo Nguyễn Thị H, Bùi Văn H3, Đỗ Thị K đều phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra các bị cáo Bùi Văn H3, Nguyễn Thị H, Đỗ Thị K đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Nguyễn Thị H, Đỗ Thị K đã tự nguyện ra đầu thú. Do vậy, các bị cáo H, K được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, các bị cáo H, Hien, K cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới: Bị cáo K cung cấp tài liệu thể hiện gia đình bị cáo có công với cách mạng, bố mẹ đẻ bị cáo là ông Đỗ Huy T1 và bà Trần Thị Á được Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tặng “Bảng vàng danh dự” vì có 03 người con tòng quân cứu nước. Bị cáo H cung cấp tài liệu thể hiện bố đẻ bị cáo là chiến sỹ tham gia chiến dịch Đ. Các bị cáo còn nộp các Biên lai nộp tiền phạt là hình phạt bổ sung, tiền thu lời bất chính, tiền án phí theo bản án sơ thẩm và đã tạm nộp tiền để chứng minh khả năng tài chính nếu các bị cáo được xử phạt tiền. Cụ thể: Bị cáo Hien nộp 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung; 1.672.500 đồng tiền thu lời bất chính, 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và tạm nộp số tiền 20.000.000 đồng. Bị cáo H nộp 12.000.000 đồng tiền phạt bổ sung; 12.819.000 đồng tiền thu lời bất chính, 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và tạm nộp số tiền 25.000.000 đồng. Bị cáo K nộp 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung; 9.440.000 đồng tiền thu lời bất chính, 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và tạm nộp số tiền 25.000.000 đồng. Các bị cáo đều có đơn trình bày có xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh gia đình neo người, bản thân là lao động chính, ngoài lần vi phạm này các bị cáo đều chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, có nơi cư trú ổn định, các bị cáo đều đã nhiều tuổi nên mong muốn được cải tạo ngoài xã hội và được xử phạt tiền là hình phạt chính... là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về mức hình phạt: Xét thấy, hành vi của các bị cáo là ít nghiêm trọng, xâm phạm trật tự công cộng, an toàn công cộng; các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có xác nhận của địa phương về việc chấp hành tốt pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ở nơi cư trú; các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo có

khả năng tự cải tạo và việc các bị cáo cải tạo ngoài xã hội không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Các bị cáo đã nộp hết tiền phạt, tiền án phí theo bản án sơ thẩm, kháng cáo xin được xử phạt tiền là hình phạt chính và các bị cáo có điều kiện để thi hành án. Các bị cáo đã tạm nộp tiền vào Cơ quan Thi hành án để chứng minh khả năng thi hành án và mong muốn được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền. Do vậy, cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo theo đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa; căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 355; điểm đ khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chuyển sang hình phạt nhẹ hơn đối với các bị cáo là hình phạt tiền quy định tại Điều 35 Bộ luật Hình sự.

[7] Do hình phạt chính là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo H, Hiện, K. Số tiền các bị cáo đã nộp hình phạt bổ sung chuyển sang nộp phạt của hình phạt chính.

[8] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Thị H, Bùi Văn H3, Đỗ Thị K không phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm 21/2024/HS-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng về hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thị H, Bùi Văn H3, Đỗ Thị K.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1; 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị H, Bùi Văn H3, Đỗ Thị K phạm tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt hình phạt tiền đối với các bị cáo:

+ Nguyễn Thị H số tiền 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng

+ Đỗ Thị K số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng

+ Bùi Văn H3 số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng

3. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Thị H, Bùi Văn H3, Đỗ Thị K.

4. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, buộc các bị cáo phải nộp số tiền do phạm tội mà có sung vào ngân sách Nhà nước: Bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp 2.819.000đ (Hai triệu tám trăm mười chín nghìn đồng); bị cáo Bùi Văn H3 phải nộp 1.672.500đ (Một triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng); bị cáo Đỗ Thị K phải nộp 9.440.000đ (Chín triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Các bị cáo Nguyễn Thị H, Bùi Văn H3, Đỗ Thị K mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Thị H, Bùi Văn H3, Đỗ Thị K không phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

6. Ghi nhận bị cáo Nguyễn Thị H đã nộp tổng số tiền 40.019.000 đồng theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007384; 0007386; 0007387 ngày 26/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Trong đó bị cáo H phải nộp 2.819.000 đồng tiền thu lời bất chính, 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt để thi hành hình phạt chính là 35.000.000 đồng; tổng cộng là 38.019.000 đồng. Bị cáo H được trả lại số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng.

Ghi nhận bị cáo Bùi Văn H3 đã nộp tổng số tiền 31.872.500 đồng theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007383; 0007385; 0007388 ngày 26/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Trong đó bị cáo H3 phải nộp 1.672.500 đồng tiền thu lời bất chính, 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt để thi hành hình phạt chính là 30.000.000 đồng; tổng cộng là 31.872.500 đồng. Bị cáo H3 đã nộp xong các khoản tiền phải thi hành.

Ghi nhận bị cáo Đỗ Thị K đã nộp tổng số tiền 44.640.000 đồng theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007381 ngày 25/7/2024; 0007389 ngày 29/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Trong đó bị cáo K phải nộp 9.440.000 đồng tiền thu lời bất chính, 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt để thi hành hình phạt chính là 30.000.000 đồng; tổng cộng là 39.640.000 đồng. Bị cáo K được trả lại số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

7. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm 21/2024/HS-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Bị cáo;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cơ quan THAHS huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- TAND huyện Vĩnh Bảo;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Minh Thu**